TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01 – 4 - 2022
V/v " Tranh chấp ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Bình

2. Bà Phan Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công kH vụ án thụ lý số: 281/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh H, sinh năm 1988. (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.
Bị đơn: Chị T, sinh năm 1993. (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Tạm trú: ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện anh H trình bày: Anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T thường xuyên bỏ con đi chơi với bạn, anh H có khuyên can nhưng chị T không từ bỏ nên anh và chị T thường hay cãi vã nhau, từ đó anh và chị H sống ly thân luôn đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu T1, sinh ngày 10-10-2012, hiện

cháu T1 đang sống chung nhà với anh H. Anh H yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T cố ý vắng mặt, nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T được triệu hợp lệ nhiều lần nhưng chị T cố ý vắng mặt. Do đó đề nghị xét xử vắng mặt anh H và chị T theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T; về con chung giao anh H nuôi dưỡng cháu T1, sinh ngày 10-10-2012, chị T không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; nợ chung anh H kH không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T được triệu hợp lệ nhiều lần nhưng chị T cố ý vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh H và chị T chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân luôn đến nay. Nên anh H có đơn yêu cầu ly hôn với chị T. Xét yêu cầu của anh H thì thấy, anh H và chị T có thời gian dài ly thân mà không gặp nhau bạc về việc đoàn tụ gia đình, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T cố ý vắng mặt chứng tỏ chị T không có thiện chí hàn gắn gia đình với anh H. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh H và chị T chung sống có 01 con chung là cháu T1, sinh ngày 10-10-2012, hiện cháu T1 đang sống chung với anh H. Qua làm việc cháu T1 có nguyện vọng sống chung với anh H và anh H có yêu cầu nuôi dưỡng cháu T1. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh H là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh H kH không có nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại Viện viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội về án phí, lệ phí;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T. Anh H được ly hôn với chị T.

2. Về con chung: Giao anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1, sinh ngày 10-10-2012. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh H kH không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0023827 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (anh H đã nộp xong).

6. Báo cho anh H, chị T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã Cẩm Giang;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tài